

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:299/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà T và ông S

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Thanh Tiền

2.Ông Lê Trung Thành

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Kiểm sát viên-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2020/TLST.HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn PM, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Kiều T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Ông Lê Hữu S, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp BD, xã BP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kiều T, trình bày và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Giữa bà Trần Thị Kiều T và ông Lê Hữu S, do quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, không quan tâm chăm sóc vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu S.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 14/3/1996 đã thành niên và có khả năng lao động và chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003. Hiện cháu T đang sống chung với bà Trần Thị Kiều T và nguyện vọng của cháu Trâm được sống chung với bà Trang. Khi ly hôn bà Trần Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003; không yêu cầu ông Lê Hữu S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Trần Thị Kiều T và ông Lê Hữu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*.Bị đơn ông Lê Hữu S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lê Hữu S không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Trần Thị Kiều T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 16/6/2020, với nội dung đề

ngợi Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kiều T. Ông Lê Hữu S đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Lê Hữu S vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kiều T và ông Lê Hữu S.

[3] *Về hôn nhân*: Giữa bà Trần Thị Kiều T và ông Lê Hữu S hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kiều T, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Lê Hữu S không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kiều T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kiều Trang là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Trần Thị Kiều T được ly hôn với ông Lê Hữu S.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 14/3/1996 đã thành niên và có khả năng lao động và chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003. Hiện cháu T đang sống chung với bà Trần Thị Kiều T và nguyện vọng của cháu T được sống chung với bà Trang. Khi ly hôn bà Trần Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003; không yêu cầu ông Lê Hữu S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về nuôi con chung*: Theo giấy khai sinh của Lê Thị Kiều T và Lê Thị Ngọc T, lời trình bày của bà Trần Thị Kiều T thì bà và ông Lê Hữu S có con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 14/3/1996 đã thành niên, có khả năng lao động và chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003. Hiện cháu T đang sống chung với bà Trần Thị Kiều T và nguyện vọng của cháu T được sống chung với bà T. Khi ly hôn bà Trần Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003; không yêu cầu ông Lê Hữu S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung được bà Trần Thị Kiều T giáo dục, chăm sóc và quyền lợi của con chung được đảm bảo, nên bà Trần Thị Kiều T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Trần Thị Kiều Trang được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003. Ông Lê Hữu S có quyền và nghĩa vụ thăm nom

con. Bà Trần Thị Kiều T và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Kiều T không được cản trở ông Lê Hữu S thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Bà Trần Thị Kiều T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trần Thị Kiều T trình bày giữa bà và ông Lê Hữu S là không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Lê Hữu S để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Bà Trần Thị Kiều T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kiều T và ông Lê Hữu S.

2. Về nuôi con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 14/3/1996 đã thành niên và có khả năng lao động và chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003.

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/6/2003 cho bà Trần Thị Kiều T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Hữu S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Kiều T và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Kiều T không được cản trở ông Lê Hữu S thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2. Bà Trần Thị Kiều T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kiều T trình bày tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

0006191 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Trần Thị Kiều T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kiều T và ông Lê Hữu S vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã BP,
- huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- UBND thị trấn PM,
- huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Việt Nam

